

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2018/DS-ST
Ngày: 07-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tiêu Kim Thuận
2. Ông Huỳnh Ngọc Thông

- Thư ký Phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T Sương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2017/TLST-DSST ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn Phiên tòa số 43/2018/QĐST- DS ngày 17 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Lê Hoàng P, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 287 Ngô Gia Tự, Phường A, Quận B, Thành phố Z.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Phương T, sinh năm 1977

Địa chỉ: 557 Lê Hồng Phong, Phường C, Quận B, Thành phố Z.

Các đương sự vắng mặt tại tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2017 và tại bản tự khai của nguyên đơn ông Nguyễn Lê Hoàng P trình bày như sau:

Ông và bà T có quen biết nhau nên khi bà T có đề nghị ông cho vay tiền thì ông đồng ý. Ngày 29/10/2015 bà T vay của ông là 16.500.000 đồng và ngày 02/11/2015 vay tiếp 16.500.000 đồng đều viết giấy vay mượn và hẹn trả sau 01 tháng. Tuy nhiên, từ khi vay và nhận tiền cho đến nay bà T luôn cố tình né tránh

không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do nhiều lần yêu cầu nhưng bà T không trả nên ông khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền còn thiếu là 33.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Trần Thị Phương T vắng mặt trong suốt quá trình tòa thụ lý và giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn vắng mặt, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại Phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngày 29/10/2015 và ngày 02/11/2015 bà T có viết giấy mượn tiền ông P nhưng hết thời hạn bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông P khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp về hợp vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: do bị đơn bà Trần Thị Phương T cư trú tại Quận 10, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét bị đơn bà Trần Thị Phương T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia Phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn ông Nguyễn Lê Hoàng P là hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[4] Xét hình thức và nội dung của hai giấy mượn tiền ngày 29/10/2015 và ngày 02/11/2015 xuất phát từ sự tự nguyện và không trái quy định của pháp luật, nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu, Hội đồng xét xử nhận thấy và phân tích như sau: căn cứ hai giấy mượn tiền ngày 29/10/2015 và ngày 02/11/2015 đều có chữ ký ghi tên bà Trần Thị Phương T xác nhận vay của

ông Nguyễn Lê Hoàng P với mỗi giấy vay tiền là 16.500.000 đồng, tổng cộng là 33.000.000 đồng. Cả hai giấy vay tiền bà T đều cam kết trả nợ trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày ký vay. Quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được, ông P đều xác nhận bà T chưa trả cho ông bất kỳ khoản tiền nào. Mặc khác, bà T vắng mặt trong quá trình tòa giải quyết vụ án không có lời khai cũng như không giao nộp các tài liệu chứng cứ nào khác. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “ Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Từ những phân tích trên có cơ sở xác định bà T còn nợ ông P số tiền 33.000.000 đồng.

- Ông P không yêu cầu bà T trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên ghi nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị Phương T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Lê Hoàng P số tiền 16.500.000 (mười sáu triệu năm trăm ngàn) đồng theo giấy vay tiền ngày 29/10/2015 và số tiền 16.500.000 (mười sáu triệu năm trăm ngàn) đồng theo giấy vay tiền ngày 02/11/2015. Tổng cộng là 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại

khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm là 1.650.000 (một triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng, bà Trần Thị Phương T chịu.

Trả lại cho ông Nguyễn Lê Hoàng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 825.000 (tám trăm hai mươi lăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0001807 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự vắng mặt tại Pên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Trần Thanh Nhàn